

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 100/2023/HS-PT
Ngày: 20-12-2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tinh

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo **Nguyễn Văn Thanh T** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 87/2023/HS-ST ngày 29-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn Thanh T, sinh năm 1993 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **Số B, Khu phố B, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ học vấn: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1963 và bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1964; vợ: **Trần Thị Thanh T2**, sinh năm 1995; con: có 01 người con sinh năm 2019; tiền án: có 01 tiền án. Tại Bản án số: 05/2017/HS-ST ngày 07/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 08 năm tù về “*Tội trộm cắp tài sản*” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/5/2022); tiền sự: có 01 tiền sự. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 15/QĐ-XPVPHC ngày 18/7/2022 của Trưởng **Công an P, thành phố B** xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” (đã nộp phạt ngày 08/11/2022); nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 10/QĐ-XPVPHC ngày 12/11/2013 của Trưởng **Công an P, thành phố B** xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” (chưa nộp phạt). Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 26/QĐ-XPVPHC ngày 28/01/2016 của Trưởng **Công an P, thành phố B** xử phạt số tiền 1.000.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” (chưa nộp phạt). Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 98/QĐ-XPVPHC ngày 20/7/2016 của Trưởng **Công an P, thành phố B** xử

phạt số tiền 1.000.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (chưa nộp phạt). Tại Quyết định số: 1560/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường H1, thành phố B áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng từ ngày 17/11/2022 đến ngày 17/5/2023; bị cáo tại ngoại; có mặt.

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Văn N nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N cùng với Nguyễn Văn Thanh T cũng là người có tiền án về tội trộm cắp tài sản mà còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C, tỉnh Bến Tre như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 15/02/2023, Nguyễn Văn T3 T gọi điện thoại nhờ Nguyễn Văn N đi rước T nên N mượn xe mô tô Honda Airblade, màu đen - đỏ, biển số 71B3 - 573.00 của vợ T tên Trần Thị Thanh T2 đến gần Nhà nghỉ 89 ở Khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre gặp T2. Sau đó, T2 điều khiển xe mô tô nêu trên chở N vòng qua lộ T thuộc địa phận Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre rồi qua ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre, đi được một đoạn thì T2 dừng xe hút thuốc. Tại đây, T2 phát hiện nhà của bà Huỳnh Thị Anh T4 (sinh năm 1978, nơi cư trú: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre) đóng cửa nên T2 nói với N: “Có nhà khóa cửa kìa, chắc không ai ở nhà”. Lúc này N xuống xe quan sát xác định không có ai trong nhà nên N nảy sinh ý định vào lấy trộm tài sản và nói với T2 là ở lại đợi N, T2 trả lời: “ừ”. N đi vào bên hông căn nhà, dùng mỏ-lếch mang theo sẵn trong người, cắt thanh song cửa sổ và leo vào trong nhà. N lục trong tủ quần áo ở phòng ngủ của bà T4, phát hiện và lấy số tiền 1.000.000 đồng (gồm 02 tờ polime mệnh giá 500.000 đồng), N tiếp tục đi ra phòng khách gỡ Tivi TLC Led 55P715 màu đen, 55 inch để qua cửa sổ rồi leo cửa sổ ra ngoài. Riêng T2 ở ngoài xe đợi không thấy N ra nên T2 chạy xe đi mua nước uống và quay lại vị trí ban đầu, T2 gọi điện thoại kêu N về. Khoảng 15 phút sau, N mang Tivi trở ra và T2 chở N đến nhà ông Nguyễn Thành S (tên thường gọi là “Tám Cười”) ở phường P, thành phố B để bán T5 nhưng ông S không mua. Tại nhà ông S, N đưa cho T2 1.000.000 đồng đã trộm được của bà T4, T2 đưa lại cho N 500.000 đồng. Một lúc sau, T2 chở N cùng T5 trộm được đến Cửa hàng điện thoại di động của anh Trương Minh T6 (tên thường gọi là L, sinh năm 1986, đăng ký thường trú: ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre) ở Khu phố A, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre nhờ kiểm tra, xác định giá trị Tivi, nếu được giá thì bán. N mang T5 vào nhà và đi ra ngoài ăn hủ tấu, còn T2 ở lại. Trong lúc T6 chuẩn bị kiểm tra T5 thì lực lượng Công an đến mời T2 về làm việc. Khi N quay lại tìm T2, thấy lực lượng Công an đang ở đó nên N đi về nhà. Chiều ngày 16/02/2023, N đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre trình diện và khai báo hành vi phạm tội như nêu trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) Tivi hiệu TLC Led 55P715 màu đen, 55 inch; tiền Việt Nam 1.000.000 (một triệu) đồng do **N** và **T2** giao nộp để trả lại cho bị hại;

- 01 (một) xe mô tô biển số 71B3 - 573.00, nhãn hiệu Honda, số loại Airblade, màu sơn đen - đỏ, số máy: JF63E2133018, số khung: 6328HZ110580.

Tại Bản kết luận số: 273/KL-HĐĐG ngày 28/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện C, tỉnh Bến Tre** kết luận: 01 (một) Tivi hiệu TLC Led 55P715 màu đen, 55 inch mua vào ngày 04/04/2021 trị giá 6.626.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 7.626.000 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 87/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Thanh T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Thanh T** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự của bị cáo **Nguyễn Văn N**, phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 13/10/2023 bị cáo **Nguyễn Văn Thanh T** kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với Bản án sơ thẩm; bị cáo giữ nguyên kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và bổ sung kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Thanh T** phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt; Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T3 T** 01 năm tù là tương xứng; kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T3 T** 01 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để điều trị bệnh và có điều kiện nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: khoảng 18 giờ ngày 15/02/2023, tại **ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre**. Bị cáo **Nguyễn Văn N** cùng với bị cáo **Nguyễn Văn Thanh T** đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bà **Huỳnh Thị Anh T4** số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng và 01 (một) Tivi hiệu TLC Led 55P715 màu đen, 55 inch trị giá 6.626.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 7.626.000 đồng.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bị hại với tổng trị giá 7.626.000 đồng; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Thanh T** phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng: khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo có nhân thân xấu, đã bị kết án và nhiều lần bị xử phạt hành chính; bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “đang nuôi con nhỏ” theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo 01 năm tù. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: bị cáo trộm cắp tài sản có tổng trị giá 7.626.000 đồng, phạm tội có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm; mặc dù bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, tuy nhiên qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân bị cáo thấy rằng: vào năm 2017 bị cáo đã từng bị kết án 08 năm tù về tội *trộm cắp tài sản*, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội *trộm cắp tài sản* nên lần phạm tội này phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm”; vào năm 2022 bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *sử dụng trái phép chất ma túy*, chưa được xóa tiền sự; ngoài ra về nhân thân bị cáo nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *sử dụng trái phép chất ma túy*, đang trong thời gian bị áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng lại phạm tội *trộm cắp tài sản*, điều đó chứng tỏ bị cáo có nhân thân không tốt, thể

hiện bản tính xem thường pháp luật, là người khó cải tạo. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 01 năm tù; tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp tình tiết bị bệnh lao phổi và đang điều trị bệnh HIV để yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; tuy nhiên xét thấy mức hình phạt 01 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng; mặt khác do bị cáo có tiền án, tiền sự, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt cũng như biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo **Nguyễn Văn Thanh T**; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 87/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Thanh T** 01 (năm) tù về “Tội trộm cắp tài sản”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Văn Thanh T phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (3b);
- Công an và VKSND thành phố Bến Tre (2b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND Phường 8, thành phố Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông